TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 333/2025/HS-PT
Ngày: 13 - 5 - 2025

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Ông Lê Văn An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 1144/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoài P, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Địa điểm mở phiên tòa (tại 02 điểm cầu):

- Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

NGUYỄN THỊ HOÀI P, sinh năm: 1985, tại tỉnh Ninh Thuận.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố F, phường T, Thành phố P T, tỉnh Ninh Thuận. Nơi ở hiện nay: Khu phố B, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trần Thị H; Chồng: Trịnh Văn T, sinh năm 1979 (đã ly hôn); có 02 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: không. Tạm giam: ngày 29/12/2023. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N.

Về nhân thân: Phòng Q Công an tỉnh N ra Quyết định xử phạt hành chính số 09/QĐ-XPHC số tiền 4.000.000 đồng về hành vi "Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật". Bị cáo đã nộp phạt.

Bị cáo đã đi chấp hành án được trích xuất về tham dự phiên tòa phúc thẩm (có mặt tại điểm cầu thành phần).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Võ Tuấn A - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt tại điểm cầu trung tâm).

- *Bị hại:*

1. Bà Đoàn Ngọc T1, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A Chung cư T, khu phố F, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố F, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ 1: Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1985 trú tại khu phố F, phường T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận đã nhiều lần vay mượn tiền của bà Đoàn Ngọc T1, sinh năm 1989 trú tại số A Chung cư T, khu phố F, phường T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận với mục đích đáo hạn ngân hàng. Ban đầu việc vay mượn tiền được P hoàn trả đầy đủ. Sau khi chiếm được lòng tin của bà T1, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên P đã lên mạng internet đặt làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH785452, số vào sổ cấp GCN: CH00883, thửa đất số 35, tờ bản đồ số: QH, diện tích: 100m^2, địa chỉ: phường M, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận do U - T cấp ngày 19/11/2012, đứng tên Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm: 1985, trú tại: khu phố B, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận, CMND số: 264268192 với giá 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng),* thực chất thửa đất này là của ông Nguyễn D, sinh năm 1970 trú tại khu phố B, phường M, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận, số CMND: 264134011. Sau đó P đã nhận Giấy tờ giả qua đường bưu phẩm, nhận hàng kiểm tra và đã thanh toán tiền mặt cho người giao hàng (không rõ tên tuổi, địa chỉ, nơi làm việc của người giao hàng). Sau khi chuẩn bị xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, ngày 18/5/2021 P đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này cho bà T1 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* với mục đích làm đáo hạn ngân hàng, nhưng thực chất tiêu xài cá nhân. Ban đầu P trả tiền vay mượn đầy đủ nên tạo niềm tin cho bà T1. Mặt khác do nghĩ P đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời trong quá trình vay tiền P luôn cung cấp hình ảnh là người có uy tín, làm ăn lớn và thường xuyên giao dịch với Ngân hàng B1 nên bà T1 yên tâm và không có nghi ngờ gì. Sau đó P đã nhiều lần vay mượn tiền của bà T1 qua hai hình thức là giao nhận tiền trực tiếp và chuyển tiền qua tài khoản. Bà T1 sử dụng tài khoản số 0811000016559 Ngân hàng V để chuyển tiền vào tài khoản của P, gồm: tài khoản số 61610000063755 Ngân hàng B1 và tài khoản số 079798989 Ngân hàng N1. Trong khoảng thời

gian từ tháng 5/2021 đến tháng 5/2022, P đã vay của bà T1 với tổng số tiền là 30.000.000.000 đồng *(Ba mươi tỷ đồng)*, sau khi trừ các khoản tiền đã thanh toán, tổng số tiền P còn nợ bà T1 là 5.000.000.000 đồng *(Năm tỷ đồng)*. Do thửa đất Phi thế chấp có giá trị thấp (Thửa đất làm giấy tờ giả) nên bà T1 đã yêu cầu P thế chấp thêm tài sản. Do không có tài sản thế chấp thêm nên P đã lấy 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số BN960807, Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 17, diện tích 3591 m^2, địa chỉ thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, Người sử dụng: Lê Thị L1, sinh năm 1957 trú tại phường T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận của bà L1 nhờ P tách thửa trước đó để thế chấp cho bà T1.

Đầu tháng 12/2022, do gia đình bà T1 cần một số tiền lớn để giải quyết công việc nên bà T1 đã yêu cầu P trả lại toàn bộ số tiền đã vay của bà T1. Do không có tiền, túng quẫn nên P đã nói dối bà T1 là Thửa đất số 150, Tờ bản đồ số 17, diện tích 3591 m^2, có một phần của P, P sẽ chuyển nhượng thửa đất này cho bà T1 để cấn trừ nợ. Sau đó, P cũng đã nói dối bà Lê Thị L1 là ra Văn phòng C, địa chỉ thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận để làm thủ tục tách thửa đất cho bà L1. Tuy nhiên, trước đó P đã liên hệ và yêu cầu Văn phòng C làm thủ tục sang tên thửa đất trên cho bà T1 nên khi bà L1 ra làm thủ tục thì Nguyễn Khoa N nhân viên Văn phòng C đã đưa hồ sơ, thủ tục cho bà L1 ký vào hồ sơ chuyển nhượng cho bà T1. Do chủ quan và tin tưởng P làm thủ tục tách thửa như lời hứa nên bà L1 không đọc hồ sơ và ký tên xác nhận vào hồ sơ. Tiếp đó, P đưa bà T1 ra Văn phòng công chứng để ký vào hồ sơ chuyển nhượng nhưng bà T1 không đồng ý và muốn gặp trực tiếp bà L1 để làm rõ việc chuyển nhượng. Sau đó bà T1 đã tự liên hệ với bà L1 và biết việc bà L1 nhờ P làm thủ tục tách thửa nhưng bị P lừa ký hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T1.

Sau khi phát hiện sự việc, bà T1 đã nhiều lần đến nhà P đòi tiền nên P đã sang nhượng Căn hộ số 18 Chung cư T thuộc khu phố F, phường T của P cho chị T1 và bà Võ Thị Thùy H1, sinh năm 1972 trú tại thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận với giá 1.100.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm triệu đồng)* để cấn trừ nợ, bà T1 và bà H1 mỗi người được 550.000.000 đồng *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)*. Sau đó P tiếp tục trả cho bà T1 số tiền 140.000.000 đồng. Sau khi trừ hết các khoản thì hiện P còn nợ bà T1 số tiền 4.310.000.000 đồng *(Bốn tỷ ba trăm mười triệu đồng)*. Bà T1 tiếp tục gây áp lực, yêu cầu P trả tiền nên P đã vẽ ra câu chuyện Ngân hàng đang bị thanh tra, toàn bộ số tiền của P trong Ngân hàng đang bị phong tỏa chưa thể rút ra để trả cho bà T1. Do P nhiều lần hứa hẹn nhưng vẫn không thực hiện nên bà T1 tiếp tục đòi nợ, lúc này P đã nhờ anh trai là Nguyễn Hoài P1, sinh năm 1979 trú tại Ấp G, xã G, Tp ., tỉnh Kiên Giang nói dối là P có cho P1 mượn số tiền 14.000.000.000 đồng *(Mười bốn tỷ đồng)* để đầu tư, cụ thể: đầu tư công ty N2 số tiền 9.000.000.000 đồng *(Chín tỷ đồng)* và công ty P3 số tiền 5.000.000.000 đồng *(Năm tỷ đồng)*. Mục đích để có thêm thời gian khất nợ. Sau đó P đã bỏ trốn khỏi địa phương. Biết đã bị P lừa đảo chiếm đoạt số tiền **4.310.000.000 đồng *(Bốn tỷ ba trăm mười triệu đồng)*** nên bà T1 đã làm đơn tố cáo.

Vụ 2: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1963 trú tại khu phố F, Phường M, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận quen biết với Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1985 trú tại khu phố F, phường T, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận là giáo viên trường THCS T2, phường M. P là giáo viên nhưng P giới thiệu với bà L là P làm thêm nghề đáo hạn ngân hàng, P quen biết với nhiều người làm trong ngân hàng nên nói với bà L: "Khi nào khách hàng trả sổ ngân hàng thì P sẽ báo cho bà L đi vay mượn tiền giúp cho P để hưởng hoa hồng, chỉ đáo hạn khoảng 02 ngày là nhận lại tiền". Nhưng thực chất P vay mượn tiền của bà L sử dụng mục đích tiêu xài cá nhân. Do tin tưởng nên bà L đã nhiều lần đi vay mượn giúp cho P, cụ thể:

- Ngày 22/10/2020, P vay 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)* có làm giấy vay mượn tiền, trong bảy ngày P đã trả đủ cả gốc lẫn lãi. Ngày 11/11/2022, P mượn số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*. Đến ngày 12/11/2022, P gọi điện nói có sổ trả vô là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* nên nói bà L tiếp tục đi mượn tiền đưa cho P. Sau đó P nói vì hồ sơ này là phải trả thêm 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* nữa để đủ thủ tục cho vay thêm. Do đó ngày 01/12/2022, bà L đã nhờ bà Nguyễn Thị Phương L2, sinh năm 1977 trú tại khu phố E, phường M, Tp . - T ra ngân hàng A1 chi nhánh Đ H2 chuyển tiền mặt 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* vào tài khoản 4908205061871 ngân hàng A1 của Nguyễn Đức L3, sinh năm 1991 trú tại khu phố G, phường T, Tp . - T theo yêu cầu của P.

Do thời gian đã lâu, không thấy P trả tiền nên bà L2 đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin zalo cho P. Do không có tiền trả nên P vẽ ra câu chuyện là: "đang chờ khách làm thủ tục; chờ ngân hàng đi thẩm định lại; lãnh đạo ngân hàng A1 chi nhánh Đ1 chưa phê duyệt hồ sơ, nói phải mua hóa đơn đỏ đầy đủ mới được giải ngân". Do cần tiền mua hóa đơn đỏ nên ngày 05/01/2023, P tiếp tục yêu cầu bà L2 cho mượn thêm 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Bà L2 nghĩ đã đưa cho P số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) rồi mà không cho mượn thêm để mua hóa đơn đỏ thì ngân hàng sẽ không giải ngân nên bà L2 đã tiếp tục cho P mượn thêm 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) và yêu cầu P viết giấy nợ. Tổng số tiền P đã vay của bà L2 là **1.990.000.000 đồng *(Một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng)*.** Bà L2 đã nhiều lần yêu cầu P trả tiền nhưng P hứa hẹn rồi không trả, sau đó bỏ trốn. Bà L2 đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của P.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 24/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

- Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Hoài P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" ;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hoài P 12 (mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 29/12/2023.

- Căn cứ: điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Hoài P phạm tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hoài P 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 29/12/2023.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoài P phải chấp hành hình phạt chung là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 29/12/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thị Hoài P và các bị hại bà Đoàn Ngọc T1, bà Huỳnh Thị L. Bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 4.310.000.000 đồng *(Bốn tỷ ba trăm mười triệu đồng)* cho bà Đoàn Ngọc T1. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 1.990.000.000 đồng *(Một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng)* cho bà Huỳnh Thị L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000175 ngày 23/9/2024 do ông Nguyễn Văn H3 nộp thay cho bị cáo Nguyễn Thi Hoài P2 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2024, Nguyễn Thị Hoài P kháng cáo đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự vì bị cáo cho rằng cơ quan điều tra không trừ đi số tiền lãi mà bị cáo đã trả cho bị hại Đoàn Ngọc T1 và số tiền cơ quan điều tra quy kết bị cáo nợ bị hại Huỳnh Thị L là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Ý kiến của Luật sư:*

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem lại số tiền mà cơ quan tiến hành tố tụng quy kết bị cáo Nguyễn Thị Hoài P chiếm đoạt của các bị hại Đoàn Ngọc T1 và Huỳnh Thị L.

- *Bị cáo:*

Đối với số tiền của bị hại Đoàn Ngọc T1: Bị cáo đã nộp tài liệu chứng minh việc vay nợ giữa bị cáo và bị hại T1 là có tính lãi nhưng cơ quan điều tra không trừ tiền lãi cho bị cáo.

Đối với số tiền của bị hại Huỳnh Thị L: Bị cáo đã trả cho bà L rồi.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Phần tội danh và hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Tại cấp sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt của bị hại Đoàn Ngọc T1 4.310.000.000 đồng; chiếm đoạt của bị hại Huỳnh Thị L 1.990.000.000 đồng. Bị cáo cho rằng đã trả lãi cho bị hại T1, nếu có căn cứ thì bị cáo có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự. Đối với số tiền chiếm đoạt của bị hại L, bị cáo cho rằng đã trả, nhưng không có căn cứ chứng minh. Do đó, kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Thị Hoài P.

[1.1]. Về phần trách nhiệm của bị cáo đối với bị hại Đoàn Ngọc T1:

Tại Biên bản đối chất ngày 12/6/2024, giữa bị cáo Nguyễn Thị Hoài P với bị hại Đoàn Ngọc T1 (BL số 484), Bản đối chiếu các khoản vay mượn tiền ngày 12/6/2024, giữa bị cáo Nguyễn Thị Hoài P với bị hại Đoàn Ngọc T1, có sự chứng kiến của Luật sư của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận (BL số 467), các biên bản ghi lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản phiên tòa sơ thẩm đều thể hiện bị cáo thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt của bị hại Đoàn Ngọc T1 4.310.000.000 đồng. Bị cáo kháng cáo cho rằng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại không phải là 4.310.000.000 đồng vì trước đó bị cáo đã trả lãi cho bị hại, nhưng bị cáo không chứng minh được.

[1.2]. Về phần trách nhiệm của bị cáo đối với bị hại Huỳnh Thị L:

Tại Biên bản đối chất ngày 12/6/2024, giữa bị cáo Nguyễn Thị Hoài P với bị hại Huỳnh Thị L (BL số 486), Bản đối chiếu các khoản vay mượn tiền ngày 12/6/2024, giữa bị cáo Nguyễn Thị Hoài P với bị hại Huỳnh Thị L, có sự chứng kiến của luật sư của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận (BL số 469), các biên bản ghi lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản phiên tòa sơ thẩm đều thể hiện bị cáo thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt của bị hại Huỳnh Thị L 1.990.000.000 đồng. Bị cáo kháng cáo cho rằng đã trả số tiền này cho bị hại L nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

[1.3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoài P phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Đoàn Ngọc T1 4.310.000.000 đồng và bị hại Huỳnh Thị L 1.990.000.000 đồng là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

[2]. Về tội danh và hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoài P 12 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 03 năm tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 15 năm tù. Không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với tội danh, hình phạt của hai tội này, nên phần này đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của Luật sư và bị cáo, không được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 355; Điều 356 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hoài P.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phần trách nhiệm dân sự như sau:

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thị Hoài P và các bị hại bà Đoàn Ngọc T1, bà Huỳnh Thị L. Bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 4.310.000.000 đồng *(Bốn tỷ ba trăm mười triệu đồng)* cho bà Đoàn Ngọc T1. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 1.990.000.000 đồng *(Một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng)* cho bà Huỳnh Thị L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000175 ngày 23/9/2024 do ông Nguyễn Văn H3 nộp thay cho bị cáo Nguyễn Thi Hoài P2 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí phúc thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 300.000 đồng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Trại giam Xuân Lộc (tống đạt cho bị cáo);
- Các bị hại;
- Lưu: HS, VP (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hòa